

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu¹ không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) hoặc Mẫu số 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C), Mẫu số 13 (13A hoặc 13B) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

4. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả

¹ Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ khoản này.

nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

5. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.

Nhà thầu có E-HSMT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Đối với gói thầu áp dụng chào hàng cạnh tranh, căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu, E-HSMT có thể bao gồm tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc không bao gồm tiêu chuẩn này nhưng nhà thầu tham dự thầu phải cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu (nội dung về cam kết được thực hiện cùng với đơn dự thầu khi nhà thầu nộp E-HSMT). Nhà thầu không phải cung cấp tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm để đối chiếu trong trường hợp E-HSMT không yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

- Sử dụng tiêu chí đạt/ không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

- E-HSMT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí đều được đánh giá là đạt.

Stt	Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt	Yêu cầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tính hợp lệ của hàng hóa	Hàng hóa do nhà thầu chào phải nêu rõ model/ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, tên hãng sản xuất, nguồn gốc xuất xứ.	Đạt	Nhà thầu cung cấp Bảng thông tin chi tiết của hàng hóa (<i>theo mẫu tại mục 1.3 chương V E-HSMT</i>) để chứng minh sự đáp ứng của hàng hóa so với yêu cầu kỹ thuật tại Chương V E-HSMT.
		Không đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt	

Stt	Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt	Yêu cầu
2	Năm sản xuất, đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	Hàng hóa do nhà thầu chào có năm sản xuất, đặc tính, thông số kỹ thuật đáp ứng yêu cầu tại Mục 1.2 Chương V E-HSMT.	Đạt	Nhà thầu cung cấp Catalogue của hàng hóa hoặc tài liệu kỹ thuật phù hợp khác do hãng sản xuất/đại diện chính thức của hãng sản xuất tại Việt Nam phát hành hoặc in từ website chính thức của nhà sản xuất/đại diện chính thức của hãng sản xuất tại Việt Nam để chứng minh rằng hàng hóa mà nhà thầu cung cấp đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật theo đúng quy định tại Mục 1.2 Chương V E-HSMT.
Không đáp ứng yêu cầu trên.		Không đạt	Các tài liệu này phải được dịch sang tiếng Việt nếu là tiếng nước ngoài.	
3	Tài liệu chứng minh xuất xứ, chất lượng của hàng hóa	Nhà thầu có cam kết sẽ cung cấp các loại giấy tờ dưới đây khi có yêu cầu của chủ đầu tư: + Giấy chứng nhận xuất xứ, Giấy chứng nhận chất lượng hoặc tài liệu phù hợp khác chứng minh được xuất xứ, chất lượng của hàng hóa trong trường hợp hàng	Đạt	Nhà thầu có bản cam kết đáp ứng về tài liệu chứng minh xuất xứ, chất lượng của hàng hoá yêu cầu tại Cột (3) bảng này.

Stt	Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt	Yêu cầu
		<p>hóa chào thầu là hàng nhập khẩu.</p> <p>+ Giấy chứng nhận xuất xưởng của nhà sản xuất hoặc tài liệu phù hợp khác chứng minh được xuất xứ, chất lượng của hàng hóa trong trường hợp hàng hóa chào thầu được sản xuất tại Việt Nam.</p>		
		Không đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt	
4	Thời gian thực hiện gói thầu	≤ 15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.	Đạt	Nhà thầu có đề xuất/ cam kết đáp ứng về thời gian thực hiện gói thầu yêu cầu tại Cột (3) bảng này.
		Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt	
5	Cam kết về tình trạng và giá chào thầu của hàng hóa	Nhà thầu có cam kết: Hàng hóa mới 100%, sản xuất từ năm 2025 trở đi, giá chào thầu đã bao gồm chi phí đóng gói, vận chuyển, lắp đặt, bàn giao đến nơi sử dụng, hướng dẫn sử dụng, bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất và thuế, phí theo quy định của pháp luật.	Đạt	Nhà thầu có bản cam kết đáp ứng về tình trạng và giá chào thầu của hàng hoá yêu cầu tại Cột (3) bảng này.
		Không đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt	

Stt	Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt	Yêu cầu
6	Các yêu cầu về bảo hành hàng hóa và dịch vụ sau bán hàng	<p>Nhà thầu có cam kết đáp ứng các yêu cầu về bảo hành và cung cấp dịch vụ sau bán hàng như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo hành theo tiêu chuẩn nhà sản xuất: ≥ 12 tháng đối với máy tính bảng; ≥ 24 tháng đối với bộ máy tính văn phòng. - Cam kết có khả năng thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế và các dịch vụ sau bán hàng. - Trong vòng 48 giờ tính từ khi nhà thầu nhận được thông báo của Đơn vị sử dụng về những vấn đề phát sinh của hàng hóa trong thời hạn bảo hành, nhà thầu phải có mặt để tiến hành kiểm tra, có giải pháp khắc phục các hư hỏng, khuyết tật thuộc phạm vi bảo hành theo quy định của nhà sản xuất. 	Đạt	Nhà thầu có bản cam kết đáp ứng về bảo hành hàng hóa và dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu tại Cột (3) bảng này.
Không đáp ứng yêu cầu trên.		Không đạt		
7	Cam kết về	Nhà thầu có cam kết thu	Đạt	Nhà thầu có bản cam

Stt	Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt	Yêu cầu
	thu hồi hàng hoá, đòi trả (một đổi một)	hồi hàng hóa, đổi trả (một đổi một) trong trường hợp hàng hóa được cung cấp nhưng không đảm bảo yêu cầu chất lượng mà không do lỗi của Chủ đầu tư hoặc khi có yêu cầu của cơ quan chức năng.		kết đáp ứng về thu hồi hàng hoá yêu cầu tại Cột (3) bảng này.
		Không đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt	
8	Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu	Kể từ 01/01/2023 đến thời điểm đóng thầu: Nhà thầu cam kết không có hợp đồng vi phạm theo quy định tại khoản 3, 5 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025.	Đạt	Nhà thầu có bản cam kết đáp ứng về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo yêu cầu tại Cột (3) bảng này.
		Kể từ 01/01/2023 đến thời điểm đóng thầu: Nhà thầu có hợp đồng vi phạm theo quy định tại khoản 3, 5 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 theo thông tin được công khai trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.	Không đạt	
<p>Kết luận: “Đạt” khi đáp ứng tất cả nội dung trên, “Không đạt” khi không đáp ứng một trong các nội dung nêu trên</p>				

Ghi chú: Đối với các nội dung yêu cầu nhà thầu cam kết tại bảng yêu cầu kỹ thuật trên, nếu trong E-HSDT nhà thầu nộp, không có hoặc không nhắc đến nội dung cam kết đó, trong quá trình đánh giá E-HSDT Chủ đầu tư sẽ yêu cầu nhà thầu làm rõ. Trường hợp sau khi có yêu cầu làm rõ, nhà thầu vẫn không cam kết hoặc cam kết không đúng nội dung đã yêu cầu tại E-HSMT, thì nhà thầu sẽ được đánh giá là “Không đạt” ở các tiêu chí trên.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính: Phương pháp giá thấp nhất.

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.